TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **190**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn
2. Bà Nguyễn Thị Nhạn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa****:* Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1990
Thường trú: 153, tổ 3, khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.
Tạm trú: Số 264, tổ 3, ấp Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Ông Đinh Công H, sinh năm 1987
Địa chỉ: 153, tổ 3, khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.
(Bà P có đơn xin vắng mặt; ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Đinh Công H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Đ. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng cùng sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hay cải vã, không tôn trọng nhau, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy bà P đề nghị được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Đinh Công T, sinh ngày 21/9/2007, ly hôn bà Ph đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Công H là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài việc trình bày của bà P về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh ông H có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương, địa phương cho biết vợ chồng bà P và ông H thường xuyên mâu thuẫn do ông H nghiện ma túy. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của bà P giao 01 con chung là cháu Đinh Công T, sinh ngày 21/9/2007 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ việc riêng khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Công H đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà P là nguyên đơn, ông H là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn ông Đinh Công H đăng ký thường trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đinh Công H đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà P.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Đinh Công H tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 2007. Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà P xác định không còn tình cảm với ông H, do hai vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn, hay cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2020 tại địa phương nơi bà P và ông H sinh sống sau khi kết hôn địa phương cho biết hai vợ chồng ông bà thường xuyên mâu thuẫn do ông H nghiện ma túy, không chịu làm ăn, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình (BL 30). Như vậy, xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà P và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H đã được Tòa án tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, không quan tâm đến việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông H có 01 con chung là cháu Đinh Công T, sinh ngày 21/9/2007. Ly hôn bà P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét việc giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo đầy đủ các điều kiện cho con phát triển, đây cũng là nguyện vọng của cháu T. Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông H vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với bị đơn ông Đinh Công H về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1990 được ly hôn với ông Đinh Công H, sinh năm 1987.

2. Về con chung: Giao có 01 con chung là cháu Đinh Công T, sinh ngày 21/9/2007 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Đinh Công H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông H vắng mặt không có lời khai nên không xem xét, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà P đã nộp theo biên lai thu số 0008274 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Đinh Công H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hải Thị Liễu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA